TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 936/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị L và anh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Thanh Hồng
Bà Trần Thị Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2019/HNST ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXX- HN ngày 20 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2019/QĐST- HN ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1976
Địa chỉ : Số 86 đường 14, tổ 43, khu phố 6, Phường B, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1970
Địa chỉ : Số 86 đường 14, tổ 43, khu phố 6, Phường B, quận G, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2019; bản tự khai và biên bản lấy lời khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị Lê Thị L và anh Lê Hoàng P tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 12, quận G, Thành phố H ngày 13/7/2000

và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2000. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn gay gắt với nhau về quan điểm sống cũng như mọi mặt trong cuộc sống vợ chồng sau nhiều lần hòa giải nhưng không thành . Năm 2008 tôi có làm đơn ly hôn và sau đó rút đơn cho anh P một cơ hội nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 01/8/1995(đã trưởng thành) ; Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002. Chị L yêu cầu nuôi dưỡng 02 trẻ X và Tr đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tòa án đã tiến hành xác minh; tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh P đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị L có đơn xin vắng mặt tuy nhiên chị vẫn bảo lưu ý kiến của chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 01/8/1995(đã trưởng thành) ; Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002. Chị L yêu cầu nuôi dưỡng 02 trẻ X và Tr đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Hoàng P là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị L ly hôn với anh Lê Hoàng P

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Hoàng P, sinh ngày 01/8/1995(đã trưởng thành); Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002. Giao cho chị L yêu cầu nuôi dưỡng 02 trẻ X và Tr đến 18 tuổi và chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị L khởi kiện bị đơn anh Lê Hoàng P đang cư ngụ tại địa chỉ số 86 đường 14, tổ 43, khu phố 6, Phường B, quận G, Thành phố H, do đó đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Hoàng P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 08/7/2019, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc đột xuất. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

-Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 88, quyển số 01/2000 do Uỷ ban nhân dân phường 12, quận G, Thành phố H cấp cho chị Lê Thị L và anh Lê Hoàng P ngày 13 tháng 7 năm 2000 thì hôn nhân của chị Lê Thị L và anh Lê Hoàng P là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2019, chị L yêu cầu ly hôn với anh P vì chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hòa hợp, phát sinh mâu thuẫn gay gắt với nhau về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, do đó chị L có quyền

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào kết quả xác minh theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 257/2019/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2019 và trả lời bằng công văn số 446/UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường B , quận G Thành phố H nơi chị L và anh P chung sống phát sinh mâu thuẫn thì: " ….Trong quá trình chung sống tại Số 86 đường số 14, Phường B, quận G, Thành phố H giữa ông P và bà L chưa ghi nhận việc cãi vã, xô xát hay đánh nhau .." .

Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 18/6/2019 của Tòa án quận Gò Vấp và Ủy ban nhân dân phường B, quận G, Thành phố H nơi chị L và anh P chung sống phát sinh mâu thuẫn thì được biết: " Tính ông P nóng tính nhất là khi uống rượu bia hay chửi tục tĩu. Theo khu phố được biết từ năm 2001, ông P có sống với người đàn bà khác, sau đó từ bỏ vấn đề sống với người phụ nữ khác và về sống với vợ con đến ngày hôm nay. Hiện nay tổ hòa giải khu phố chưa nhận được yêu cầu hòa giải của ông P và bà L "

Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Chị L và anh P chung sống với nhau nhưng không hạnh phúc do trước đây anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài từ năm 2001, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Căn cứ đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 07/5/2019 thì năm 2008 chị L đã nộp đơn ly hôn và sau đó đến ngày 11/8/2008 chị rút đơn ly hôn và Tòa án nhân dân quận Gò vấp ra quyết định đình chỉ vụ án số 616/2008/QĐST-HN ngày 11/8/2008 để cho anh P một cơ hội về vợ chồng sống đoàn tụ nhưng anh P vẫn đi theo người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên gây lộn. Vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thật sự ngột ngạt và chi L đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được là do anh P là người có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh P cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh P không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh P không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân năm 2014 thì "Tòa án giải quyết cho ly hôn …nếu có căn cứ về việc vợ chồng có vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng …mục đích hôn nhân không đạt được…" do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

-Xét yêu cầu của chị L về việc xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002 và chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bản tự khai thì chị L và anh P có 03 con chung hiện đang sống chung với anh P và chị L. Đối với trẻ Lê Hoàng Ph sinh ngày 01/8/1995 tính đến hôm nay cháu Ph đã đủ 18 tuổi và chị L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ vào kết quả xác minh theo quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 257/2019/QĐ-CCTLCC ngày 24/4/2019 và trả lời bằng công văn số 446/UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân phường B , quận G, Thành phố H nơi chị L và anh P chung sống thì: " …. Hiện 02 con do bà L nuôi, chăm sóc còn ông P ít có ở nhà. Nếu ông P và bà L ly hôn thì nên giao 02 con cho bà L nuôi dưỡng và chăm sóc để đảm bảo cuộc sống ổn định cho 02 cháu ."

Mặt khác: Theo bản tự khai ngày 22/4/2019 của cháu Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002 thì cháu Tr có nguyện vọng nếu chị L và anh P ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ ruột là chị Lê Thị L.

Theo bản tự khai ngày 19/4/2019 của cháu Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 có nguyện vọng nếu chị L và anh P ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ ruột là chị Lê Thị L.

Căn cứ quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 245/2019/QĐ-CCTLCC ngày 19/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thì chị L cung cấp cho Tòa án xác nhận lương chị đang làm công việc đưa đón trẻ và trông giữ trẻ cho gia đình , với mức lương là 6 triệu một tháng chứng tỏ chị L có việc làm và thu nhập để nuôi dưỡng 02 cháu Tr và X.

Chị L hiện có chỗ ở hợp pháp đứng tên sở hữu căn nhà số 86 đường 14, tổ 43, khu phố 6, Phường B, quận G, Thành phố H theo giấy chứng nhận số CH08729 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 05/02/2019

Trong khi đó anh P dù được triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để lấy lời khai về việc anh có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung hay không do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích như trên và căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao chị L nuôi dưỡng 02 cháu Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002 là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 19/4/2019 chị L không yêu cầu anh Phong cấp dưỡng nuôi 02 trẻ Tr và X do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 19/4/2019 chị L tự khai tài sản chung và nợ chung chị và anh P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh P không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai của anh P về tài sản

chung trong thời kỳ hôn nhân do đó sau này nếu anh P có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh P sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị L tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0000394 ngày 03/4/2019. Do đó chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L ly hôn với anh Lê Hoàng P

(Giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyển số 01/2000 do Uỷ ban nhân dân phường 12, quận G, Thành phố H cấp cho chi Lê Thị L và anh Lê Hoàng P ngày 13/7/2000 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị L và anh P có 03 con chung tên Lê Hoàng Ph, sinh ngày 01/8/1995(đã trưởng thành) ; Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr, sinh ngày 25/8/2002. Giao cho chị L nuôi dưỡng 02 trẻ Lê Ngọc X, sinh ngày 25/8/2002 và Lê Nhật Tr sinh ngày 25/8/2002 đến đủ 18 tuổi và chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của anh P.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) chị L phải chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0000394 ngày 03/4/2019. Do đó chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường 12, quận Gò Vấp;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)